

VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC VÀ ĐỘNG LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

GS.TS TRẦN HỒNG QUÂN

Nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Chủ tịch Hiệp hội các trường đại học ngoài công lập

Giáo dục đại học (GDĐH) cần phải làm tròn sứ mệnh của mình là đào tạo lực lượng lao động có trình độ cao với chất lượng tốt, tạo thành sức mạnh trí tuệ, sức mạnh cơ bản cho đất nước. Theo tác giả bài viết, muốn làm được điều này trong điều kiện nước ta hiện nay, cùng một lúc GDĐH phải giải quyết được một cách triệt để cả hai vấn đề lớn là: nguồn lực cho GDĐH và động lực phát triển GDĐH.

Vấn đề nguồn lực

Bất cứ quốc gia nào, kể cả những nước giàu, cũng đều khó khăn vì ngân sách nhà nước không đủ để đáp ứng cho giáo dục. Chúng ta tuy được chi đến 20% ngân sách nhưng chi phí bình quân trên đầu người về giáo dục thuộc loại thấp nhất trong khu vực. Riêng ở bậc đại học, chi phí bình quân để đào tạo một sinh viên mỗi năm chỉ được vài trăm đô la Mỹ mà lẽ ra phải có từ 1,2-1,5 lần GDP bình quân đầu người, tức là phải đạt khoảng 1.200-1.600 đô la Mỹ/sinh viên/năm.

Trong khung tài chính eo hẹp đó, nhiều người khuyên là nên giảm quy mô đào tạo để nâng cao chất lượng. Khuynh hướng đó dường như đang trở lại việc đào tạo đại học tinh hoa. Nhưng thiếu một trong hai (hoặc quy mô hoặc chất lượng) đều không thể tạo ra được sức mạnh trí tuệ của quốc gia để phát triển đất nước, để bảo vệ chủ quyền, để duy trì và phát triển nền văn hóa có bản sắc dân tộc. Do vậy bài toán tài chính cho giáo dục nói chung,

GDĐH nói riêng phải được đặt trên bàn của Quốc hội, không thể tránh né. Trước đây cũng có lúc chúng ta nêu vấn đề này nhưng vấp phải 2 trở ngại lớn: một là, sự hạn chế của ngân sách nhà nước; hai là, phát sinh những vấn đề xã hội.

Để tăng cường nguồn lực phát triển giáo dục, ở rất nhiều nước, bộ phận giáo dục nghề nghiệp và đại học về cơ bản là học phải trả tiền và phát triển rất mạnh các trường đại học tư. Năm 2012, Ngân hàng thế giới đã công bố kết quả điều tra đánh giá GDĐH khu vực Đông Á và Thái Bình Dương với nhiều con số làm chúng ta ngạc nhiên. Trong 13 nền kinh tế Đông Á được khảo sát thì có 8 nền kinh tế có *tỷ lệ sinh viên trường tư* đạt từ 60-80% so với tổng số sinh viên của nền kinh tế đó. Cao nhất là nhóm gồm: Hàn Quốc, Nhật Bản xấp xỉ 80%; nhóm tiếp theo là Đài Loan, Indonesia, Philippines, Malaysia, Hồng Kông trên dưới 70%. *Tỷ lệ số lượng trường tư* còn cao hơn nữa: Malaysia, Indonesia, Philippines, Nhật Bản đều trên 90%; Hàn Quốc xấp xỉ 90%; Đài Loan xấp

xỉ 70%. Tại sao nhiều nước chú trọng phát triển các trường đại học tư thực như vậy, thậm chí coi đó như một giải pháp chiến lược mang tính đột phá? Đó là một sự lựa chọn chiến lược khôn ngoan vì hai lợi ích lớn, một là huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội để làm giáo dục, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng khó khăn về ngân sách giáo dục mà nước nào cũng gặp phải; hai là đưa GDĐH cũng như giáo dục nghề nghiệp thành một ngành dịch vụ (đặc biệt) có sự cạnh tranh thị trường, hình thành động lực phát triển, khắc phục sự trì trệ thường thấy của hệ thống trường công do “ỷ lại” vào nhà nước. Trên thực tế chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy sự phát triển mạnh mẽ của GDĐH ở các nước nêu trên góp phần quan trọng cho sự phát triển vượt trội của các nước này.

Ở Việt Nam, Nhà nước đã sớm đưa ra chủ trương *xã hội hoá giáo dục*, cho thành lập các trường dân lập, tư thục. Đáng tiếc là điều đó chưa được nhận thức như một giải pháp mang tầm chiến lược mà chỉ là một sự đa dạng hoá đơn



Trường Đại học Công nghiệp Vinh - một đại học tư thục mới thành lập năm 2013

thuần, thậm chí là sự chấp nhận bất đắc dĩ. Do đó, từ khi bắt đầu chủ trương quan tâm phát triển các trường đại học và cao đẳng tư thục khoảng 20 năm trước, đến nay chúng ta mới có dưới 15% số trường đại học, cao đẳng ngoài công lập với số sinh viên chỉ chiếm 12,7% tổng số sinh viên của cả hệ thống đại học (trong khi nền đại học của Malaysia lúc đó có thể còn yếu hơn ta nhưng đến nay đã tương đối tiên tiến với hơn 600 trường đại học tư thục, trong đó hơn 200 trường có trình độ quốc tế). Ở nước ta, các trường dân lập, tư thục phát triển trong điều kiện vô vàn khó khăn, thậm chí không được sự ủng hộ, cổ vũ của các cấp quản lý giáo dục. Chúng ta cần nhận thức rằng, nền giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông về cơ bản phải do Nhà nước chăm lo, chủ yếu bằng trường công, chủ yếu bằng ngân sách nhà nước để đào tạo ra các lớp công dân phát triển toàn diện cho xã hội. Riêng về giáo dục nghề nghiệp (bao gồm từ dạy nghề đến đại học) được coi là thứ dịch vụ cung ứng cho sự đầu tư cá nhân để nâng cao năng lực lao động của từng người, chuẩn bị bước vào thị trường lao động sau này. Như vậy, học thì phải trả đủ các chi phí phục vụ đào tạo. Đó là xã hội hoá phần đào tạo trong nền giáo dục. Chúng ta rất khó thừa nhận giáo dục được coi như một dịch vụ. Trong khi đó thì

Nhà nước đã ký hiệp định WTO, trong đó coi dịch vụ đào tạo như là một sản phẩm khả mại. Mặt khác, trên thực tế ở Việt Nam đang tồn tại cái tương tự như là thị trường dịch vụ giáo dục. Vấn đề ở chỗ làm thế nào để ta quản lý một cách hợp lý, đúng đắn để nó phát triển đúng quỹ đạo.

Trong trường hợp đó thì ngân sách nhà nước phải đảm đương điều gì? Như đã đề cập ở trên, trước hết ngân sách nhà nước đảm đương về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Nhà nước còn phải gánh việc đào tạo phục vụ công ích, đào tạo diện chính sách. Nhà nước cũng phải gánh việc đào tạo nhân tài ở các trường trọng điểm chất lượng cao. Hiện nay ở nước ta số trường phục vụ cho đào tạo công ích chiếm tỷ lệ không nhỏ, khoảng chừng hơn 80 trường (số trường đại học, cao đẳng của quân đội là 22, công an là 6, ngoài ra còn các trường của Đảng, của các bộ, ngành và của các đoàn thể chính trị - xã hội). Nếu tính cả số trường này thì hệ thống các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam vào khoảng hơn 500 trường. trong khi chỉ có 83 trường đại học, cao đẳng ngoài công lập. Cho đến nay, Nhà nước không chi đồng nào, kể cả đầu tư "môi" cho các trường ngoài công lập mà tập trung đầu tư dàn trải cho cả một hệ thống trường công rộng lớn như vậy nên khó đủ sức đầu tư thoả đáng cho từng

trường.

Việc sắp xếp lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng cả nước không thể không làm, trước hết là phải trên cơ sở sứ mạng, đồng thời phải làm rõ vấn đề tài chính của từng loại trường này, theo tinh thần là cái gì mà xã hội không làm được thì Nhà nước mới làm. Chúng tôi cho rằng, cần XÃ HỘI HOÁ HỆ THỐNG TRƯỜNG CÔNG LẬP để giảm gánh nặng trên vai ngân sách nhà nước. Chúng ta có thể hình dung sơ bộ sự sắp xếp hệ thống như sau: các trường công ích không tham gia đào tạo cho thị trường để thu tiền như hiện nay, do đó, trường nào, ngành nào dân sự hoá được thì chuyển sang dân sự. Các trường dân sự trọng điểm quốc gia chỉ nên gom lại để dành khoảng 20 trường được đầu tư cho thoả đáng. Còn lại các trường công khác chuyển thành các trường tự quản, nghĩa là phải lấy thu bù chi; Nhà nước cho phép sử dụng cơ sở vật chất đã có chứ không bao cấp chi phí thường xuyên, cũng không đầu tư thêm, thực chất các trường này sẽ được hoạt động theo cơ chế BÁN CÔNG với độ tự chủ cao về tài chính, về lao động tiền lương..., cần phải biến một số trường công trở thành trường có sở hữu đan xen (đa sở hữu) để thu hút thêm đầu tư, cải thiện điều kiện đào tạo. Ngoài ra, chuyển một số trường công thành trường tư, thành lập thêm các trường tư khi đủ điều kiện để nâng cao tỷ lệ các trường ngoài công lập trong hệ thống chung.

Khi xây dựng hệ thống đại học như vậy và chấp nhận một cơ chế dịch vụ đào tạo có trả tiền thì vấn đề xã hội được đặt ra là những người nghèo làm thế nào để học được, dù có hỗ trợ của Nhà nước một phần kinh phí nhưng không thể đủ. Lâu nay, Nhà nước đã



GDDH cần khuyến khích sáng tạo và tăng cường hợp tác quốc tế

mở rộng cho vay nhưng số người được vay cần phải nhiều hơn mới thoả mãn được yêu cầu, đồng thời giá trị mỗi suất vay phải được tăng lên để đủ sức đảm bảo chi phí cho người học. Trong trường hợp đó, không thể giữ cơ chế hiện nay là chỉ mỗi Ngân hàng chính sách xã hội làm việc này mà cần XÃ HỘI HOÁ TÍN DỤNG GIÁO DỤC để huy động thêm nhiều ngân hàng thương mại có kinh nghiệm vào cuộc để quản lý vốn vay, giảm tối đa thất thoát. Nhà nước phải bù phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất ưu đãi. Đó cũng là chính sách xã hội. Bên cạnh đó, cần huy động nhiều nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước như: khuyến khích lập các quỹ hỗ trợ giáo dục và khai thác đóng góp trước thuế của các doanh nghiệp...

Vấn đề động lực phát triển giáo dục

Chúng ta đã thống nhất đất nước gần 40 năm nhưng nền GDDH mới phát triển như hiện nay là quá thấp so với sứ mạng của nó là đáp ứng yêu cầu xây

dựng đất nước và hội nhập quốc tế. Ở đây có thể thấy, ở cấp vĩ mô thì chưa có sự nóng lòng sốt ruột, ở cấp quản lý trung gian thì có sự trì trệ và ở cấp cơ sở thì phổ biến là có sự thụ động. Thầy và trò không phải chịu áp lực bao nhiêu trong quá trình dạy và học. Áp lực về đời sống ở các thầy trong cơ chế tiền lương như hiện nay không biến thành áp lực công việc. Để giải quyết vấn đề này thì phải đề cập đến một số điểm sau đây:

- Phải giải quyết vấn đề nhận thức về sứ mạng giáo dục, phải hiện thực hoá “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, phải xây dựng một chiến lược quốc gia, phải có sự chỉ đạo ở tầm cao, tầm vĩ mô. Phải xây dựng “Bộ Tư lệnh tiền phương” đủ mạnh và thực sự có tư duy mới, cần có Hội đồng quốc gia giáo dục có quyền lực và không nên chỉ bao gồm các thành viên của Chính phủ. Phải xây dựng quyết tâm của các cấp ủy Đảng từ trung ương đến địa phương và sự đồng thuận của toàn xã hội.

- Phải thừa nhận và thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh và sàng lọc để tạo thành động lực tự thân của từng tổ chức giáo dục, của từng cán bộ quản lý, của từng giảng viên. Không có cạnh tranh thì sẽ trì trệ. Với cơ cấu hệ thống như đã đề cập, chúng ta có thể đưa 4/5 số trường đại học và cao đẳng vào môi trường cạnh tranh.

- Sớm đổi mới việc đánh giá, kiểm định chất lượng, công khai điều kiện đào tạo, đổi mới thi cử.

- Đổi mới cơ chế quản lý. Phải khẳng định quyền tự chủ là thuộc tính của các trường đại học. Khi cho phép mở các trường đại học thì có nghĩa là đã thừa nhận quyền tự chủ đầy đủ của nhà trường. Chỉ khi nào có sai phạm thì mới chế tài hạn chế một số quyền tự chủ. Phải xây dựng pháp luật và pháp quy không gò bó, tạo ra một hành lang nghiêm mà rộng để các trường hoạt động cảm thấy tự do. Phải xóa bỏ cơ chế chủ quản, cơ chế xin cho, cầm tay chỉ việc.

- Cần khuyến khích sáng tạo và tăng cường hợp tác quốc tế. GDDH Việt Nam bước ra biển lớn quá muộn rồi. Hội nhập cũng là giải pháp đi tắt tiếp thu công nghệ đào tạo tiên tiến.

Cuối cùng xin nói thêm, lâu nay chúng ta ít khi bàn rót ráo về giải pháp, nhất là cơ chế. Có đi sâu vào giải pháp mới thấy hết những khó khăn để đạt được mục tiêu, có khi phải có những giải pháp phi truyền thống mới giải quyết được vấn đề. Và trong trường hợp đó đòi hỏi chúng ta phải có tư duy mới, không có cách nào khác ■